

Số: 1648 /VD-VTTBYT
V/v Yêu cầu báo giá TTYT

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm vật tư y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: ThS. Hoàng Bảo Anh, Trưởng phòng VT-TBYT, Số điện thoại: 094 564 7822.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ Số hiệu văn bản YCBG trong nội dung email.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00, ngày 04 tháng 5 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 14 tháng 5 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư y tế:

Stt	Danh mục vật tư y tế	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1.	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo

• Ghi chú:

- Yêu cầu chung: Hàng mới 100%; Năm sản xuất: 2023 trở đi.
- Các yêu cầu khác:

- Hàng hóa được bàn giao hướng dẫn sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;
 - Có cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ) hoặc tương đương; chứng chỉ xuất xứ (CO), tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu và tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang bị kèm bản dịch tiếng Việt khi bàn giao;
 - Đối với trang thiết bị y tế: Cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP;
 - Cam kết: Tiến độ cung cấp hàng hóa trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi có yêu cầu của bệnh viện. Cam kết hàng hóa được giao theo yêu cầu gọi hàng của Bệnh viện. Khi giao hàng, bên bán xuất phiếu xuất kho và giao hàng trực tiếp tại kho của Bệnh viện. Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa do Bên bán chịu;
 - Cam kết thời hạn khắc phục lỗi, thay thế hàng hóa là tối đa 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo, trong trường hợp nhà cung cấp không khắc phục được lỗi của hàng hóa thì phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác để không ảnh hưởng tới hoạt động của Bệnh viện.
- Các đơn vị có thể chào giá một hoặc nhiều sản phẩm thuộc danh mục trên (mỗi sản phẩm có thể được thể hiện trên một báo giá riêng để thuận lợi trong quá trình tổng hợp báo giá).

2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư – Phòng VT-TBYT – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Tối thiểu 01 ngày và tối đa 02 ngày kể từ ngày có yêu cầu giao hàng.

4. Các thông tin khác (nếu có):

4.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP (áp dụng đối với các thiết bị loại B, C, D);
- Báo giá (theo mẫu đính kèm).
- Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến trang thiết bị (Chứng nhận ISO của hãng sx (nếu có), Giấy phép nhập khẩu/Giấy chứng nhận lưu hành hoặc các tài liệu tương đương);
- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa tương tự (nếu có).

4.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (đề b/cáo);
- Lưu: VT, VT-TBYT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT *du*



**BỆNH VIỆN
HỮU NGHỊ
VIỆT ĐỨC**

★ **Hoàng Bảo Anh**



TT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I. VẬT TƯ SỬ DỤNG TRONG NỘI SOI TIÊU HÓA				
1	Clip đường kính mờ 7.5mm - 9mm	Clip dùng trong nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, đóng mờ 1 lần. Đường kính mờ từ 7.5mm đến 9mm, tối thiểu có 2 cỡ, góc mờ 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương.	Cái	600
2	Clip đường kính mờ 11mm	Clip dùng cho nội soi dạ dày, đại tràng, đóng mờ 1 lần. Đường kính mờ 11mm ($\pm 5\%$), góc mờ 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương.	Cái	280
3	Tay cầm clip xoay được 360 độ	Tay cầm clip đường kính 2.7mm ($\pm 5\%$). Độ dài làm việc ≥ 190 cm, tay xoay được 360 độ. Chất liệu phần dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Sử dụng lại được nhiều lần. Tương thích với loại clip đường kính mờ 7.5 - 9mm và clip đường kính mờ 11mm tương ứng với mục hàng 1 và 2 trong bảng danh mục vật tư mới thầu.	Cái	5
4	Clip cầm máu liền cán	Clip dùng cho nội soi can thiệp cầm máu dạ dày, đại tràng, loại đóng mờ nhiều lần. Có các loại đường kính mờ kích thước: tối thiểu ≤ 11 mm, tối đa đến ≥ 16 mm, góc mờ 135 độ ($\pm 5\%$). Được làm bằng thép không gỉ hoặc chất liệu khác tương đương.	Cái	640
5	Hemoclips đường kính mờ đến 11mm	Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mờ đến ≥ 11 mm. Kẹp được vị trí đặt clip theo ý muốn.	Cái	20
6	Hemoclips đường kính mờ đến 16mm	Sử dụng trong nội soi can thiệp cầm máu đường mật dạ dày, đại tràng. Chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Cán xoay được, đường kính mờ đến ≥ 16 mm. Kẹp được vị trí đặt clip theo ý muốn.	Cái	110
7	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm. Cho phép thắt ≥ 6 vòng cho một lần thao tác nội soi. Đường kính trong 9mm ($\pm 5\%$), đường kính ngoài 11 mm ($\pm 5\%$).	Cái	52
8	Bộ mở thông dạ dày qua da bằng phương pháp nội soi	Bộ mở thông bằng phương pháp nội soi, cấu hình 01 bộ tối thiểu bao gồm: + 01 ống thông dạ dày làm bằng silicon, + 01 dây dẫn hướng, + 01 dao mổ, + 01 miếng đệm gạc, + 01 máy cầm máu cong, + 01 vòng đệm bên ngoài, + 01 ống lót, + 01 dây kéo (thông lọng), + 01 cây kéo. Đường kính thông-lọng 2mm ($\pm 5\%$), chiều dài thông lọng 240cm ($\pm 5\%$)	Cái	100
9	Ống thông nuôi ăn dạ dày, thành bụng	Có bóng cố định, dạng đầu tip. Ống thông làm bằng 100% silicon, dung tích bóng ≥ 10 ml. Có các cỡ khác nhau.	Ống	25
10	Nắp chụp bảo vệ dây soi nhỏ	Kích thước nắp trong khoảng từ 11mm đến 17mm, đường kính ngoài đầu tip dây soi trong khoảng từ 8.5mm đến 14mm, chiều dài ≥ 4 mm	Cái	20
11	Panh lấy dị vật răng chuột	Kênh làm việc 2.8 mm ($\pm 5\%$). Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650 mm đến 2300mm, Độ mờ trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm, ngâm răng chuột.	Cái	3
12	Bóng nong thực quản	Bóng nong thực quản có các kích cỡ: + Đường kính: Tối thiểu ≤ 15 , tối đa đến ≥ 20 mm, + Chiều dài bóng trong khoảng từ 55 đến 60mm; + Kênh làm việc 2.8mm/3.2mm ($\pm 5\%$); + Đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr, + Chiều dài làm việc: Tối thiểu ≤ 1800 mm, và tối đa đến ≥ 2400 mm, tối thiểu có 02 cỡ. Tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch; Có điểm đánh dấu cân quang tại vị trí đầu và cuối.	Cái	20
13	Bộ bơm đo áp lực	Sử dụng để bơm bóng nong thực quản hoặc bóng nong đường mật. Dung tích khí ≥ 20 ml. Có đồng hồ để theo dõi áp lực của bóng nong khi sử dụng.	Cái	15

TT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	Bóng nong đường mật	Bóng nong đường mật có các kích cỡ: + Đường kính: Tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, và tối đa đến $\geq 15\text{mm}$, + Chiều dài bóng 55mm ($\pm 5\%$); + Kênh làm việc $2.8/3.2\text{mm}$, ($\pm 5\%$), + Đường kính ống thông catheter có tối thiểu cỡ 7.5Fr , + Chiều dài làm việc: Tối thiểu $\leq 1800\text{mm}$, và tối đa đến $\geq 2400\text{mm}$, tối thiểu có 02 cỡ. Tương thích với dây dẫn hướng 0.035inch ; Có đánh dấu cân quang tại vị trí đầu và cuối.	Cái	20
15	Dao cắt cơ thắt (có đầu cách điện)	Có đầu cách điện, kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dao cắt trong khoảng từ 20mm đến 25mm , Đường kính đầu tip 2mm ($\pm 5\%$), chiều dài đầu tip 5mm ($\pm 5\%$).	Cái	8
16	Dao cắt cơ thắt (không có đầu cách điện)	Dao cắt cơ vòng dùng trong nội soi dạng xoay. Chiều dài dây cắt trong khoảng từ 20mm đến 30mm . Cung cấp được tối thiểu 3 cỡ với đường kính ngoài các cỡ trong khoảng từ 3.5Fr đến 5.0Fr . Đầu tip có cân quang, chiều dài đầu tip 5mm ($\pm 5\%$).	Cái	20
17	Dao kim cắt cơ vòng	Dao được chia làm 3 kênh riêng biệt: kênh cho dây dẫn hướng, kênh cho dao cắt và kênh bơm cân quang. Kênh làm việc: 2.8mm ($\pm 5\%$) Chiều dài làm việc: 1700mm ($\pm 5\%$) Đường kính đầu tip: 5Fr Đường kính kim: 0.2mm ($\pm 5\%$) Chiều dài kim: 5mm ($\pm 5\%$) Chiều dài phần phủ lớp cách điện của kim: 3mm ($\pm 5\%$)	Cái	1
18	Rọ lấy sỏi	Kênh làm việc: 2.8mm ($\pm 5\%$) Chiều dài làm việc 1900mm ($\pm 5\%$) Độ mở của rọ: 22mm ($\pm 5\%$) Có kênh bơm tưới rửa/thuộc cân quang, có phần kết nối với ống soi, có đánh dấu điểm cắt trên thân dụng cụ. Rọ xoay được.	Cái	50
19	Tay cầm cho rọ lấy sỏi	Sử dụng trong nội soi can thiệp. Trên thân có khóa dụng cụ và núm xoay tròn theo vị trí dụng cụ.	Cái	1
20	Dụng cụ phá sỏi	Dụng cụ phá sỏi đường mật, độ mở của hàm 30mm ($\pm 5\%$). Kênh làm việc 4.2mm ($\pm 5\%$). Chiều dài làm việc $\geq 1900\text{mm}$.	Cái	4
21	Dây dẫn dùng trong nội soi	Dây dẫn dùng trong nội soi can thiệp. Chất liệu Nitinol hoặc các vật liệu có tính năng tương đương, thay đổi được độ uốn cong của dây dẫn. Đầu tip có các dạng thẳng và cong. Chiều dài dây dẫn trong khoảng từ 260 đến 450cm , đường kính dây dẫn hướng 0.035inch . Đầu dây có cân quang.	Cái	75
22	Stent nhựa đường mật	Stent nhựa đường mật có tối thiểu các loại: 2 đầu cong, 1 đầu thẳng 1 đầu cong, 2 đầu thẳng, có vạch đánh dấu trên thân. Có tối thiểu các cỡ đường kính 5Fr , 7Fr , 8.5Fr , 10Fr , 11.5Fr . Stent dài khoảng từ 40mm đến 150mm . Chất liệu PEBAX hoặc tương đương. Đầu stent dạng tròn giúp stent bán chặt vào đường mật.	Cái	150
23	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu sứ cách điện	Điện cực có hình tam giác hình đĩa kết hợp đầu sứ cách điện. Chiều dài làm việc khoảng từ 1650mm đến 2300mm . Kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dao cắt trong khoảng từ 3.5mm đến 4mm . Đường kính đầu sứ cách điện trong khoảng từ 1.7mm đến 2.2mm .	Cái	8
24	Catheter để nhuộm niêm mạc	Kiểu ống xít loại phun khuếch tán, kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650mm đến 2400mm .	Cái	2
25	Canuyn ngang miệng	Canuyn ngang miệng, có dây đeo buộc qua đầu để cố định Canuyn, độ mở rộng $22\text{mm} \times 27\text{mm}$.	Cái	130
26	Kim siêu âm nội soi chọc hút tế bào	Kích thước kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Chiều dài làm việc: 1400mm ($\pm 5\%$). Đường kính kim tối thiểu ≤ 19 , tối đa đến $\geq 22\text{G}$.	Cái	5

TT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
27	Lọng cắt Polype các cỡ	Lọng cắt Polype được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Xoay được 360 độ. Lọng cắt hình Oval hoặc hình tròn. Chiều dài thông lọng trong khoảng từ 1600mm đến 2400mm. Cung cấp được lọng cắt các cỡ có đường kính từ tối thiểu ≤ 10 , đến tối đa ≥ 30 mm.	Cái	80
28	Kim tiêm cầm máu	Kim tiêm cầm máu với các kích thước đường kính tối thiểu ≤ 21 , đến tối đa $\geq 25G$. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600mm đến 2300mm, có khóa. Độ dài mũi kim trong khoảng từ 4mm đến 7mm. Kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Ống được làm từ PTFE (teflon) hoặc chất liệu tương đương.	Cái	50
29	Thắt chân polype (Endoloop)	Sử dụng trong nội soi can thiệp, thắt chân polype gắn liền cán, chiều dài làm việc 2300mm ($\pm 5\%$). Kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Đường kính vòng thắt 30mm ($\pm 5\%$).	Cái	50
30	Catheter dùng trong nội soi can thiệp	Catheter dùng trong nội soi can thiệp, kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$), Chiều dài làm việc 1900 mm ($\pm 5\%$), đường kính đầu ống 4Fr.	Cái	26
31	Kẹp cầm máu	Kẹp cầm máu loại dùng với dao mổ điện, dùng 1 lần. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1600 đến 2300mm. Xoay được. Kích thước kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$), độ mở của ngàm trong khoảng từ 6mm đến 6.5mm.	Cái	5
32	Dụng cụ xịt cầm máu qua nội soi	Dụng cụ cầm máu dạng xịt bao gồm chất cầm máu, không tiếp xúc, không sử dụng nhiệt. Catheter dài 220cm ($\pm 5\%$), kích thước kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$), đường kính Catheter 7Fr.	Cái	4
33	Bóng kéo sỏi đường mật	Bóng kéo sỏi có kênh hỗ trợ dây dẫn hướng. Đường kính ống thông trong khoảng từ 6Fr đến 7Fr; đường kính bóng thay đổi được sau khi bơm phồng khoảng từ 9mm đến 18mm. Có điểm đánh dấu cân quang. Chiều dài kênh làm việc 2000mm ($\pm 5\%$) tương thích dây dẫn 0.035 inch.	Cái	30
34	Dao cắt dưới niêm mạc	Dao cắt dưới niêm mạc có các tính năng tối thiểu: đánh dấu điểm trước khi cắt, cắt hút, tiêm phồng và cầm máu. Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1800 đến 2200mm; kênh làm việc 2.8mm ($\pm 5\%$). Đường kính của ống kim 0.5mm ($\pm 5\%$). Chiều dài dao trong khoảng từ 0.5 mm đến 2.0mm.	Cái	3
35	Bóng cao su bọc đầu ống siêu âm nội soi	Chất liệu làm bằng cao su.	Cái	52
II. Vật tư tay dao phẫu thuật các loại				
1	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi	Chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	250
2	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi (cầm máu tăng cường)	Chiều dài cán 350mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Có chế độ cầm máu tăng cường đối với mạch có đường kính ≤ 7 mm. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	20
3	Dây dao siêu âm mổ nội soi	Dây dao siêu âm mổ nội soi chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Cái	20
4	Tay dao siêu âm mổ mở (loại dài)	Chiều dài cán 230mm ($\pm 5\%$), đường kính cán 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài hàm dao 15mm ($\pm 5\%$), độ mở hàm 10mm ($\pm 5\%$). Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	15
5	Tay dao siêu âm mổ mở (loại ngắn)	Chiều dài cán 170mm ($\pm 5\%$). Chiều dài hàm dao 16mm ($\pm 5\%$), lưỡi dao dạng kéo, đầu dao cong thon. Tương thích với dao mổ siêu âm (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019) đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Cái	100
6	Dây dao siêu âm mổ mở	Dây dao siêu âm mổ mở chuyển hóa điện năng thành dao động cơ học. Tương thích với dao mổ siêu âm đang sử dụng tại Bệnh viện (Model: GEN11, Hãng Johnson, năm sản xuất 2019).	Cái	6

TT	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ nội soi	Tay dao siêu âm hàn mạch cho mổ nội soi. Đường kính 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài 350mm ($\pm 5\%$), có thể dùng cho cả cắt siêu âm và hàn mạch.	Cái	5
8	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ mở	Tay dao siêu âm hàn mạch cho mổ mở. Đường kính 5mm ($\pm 5\%$), chiều dài 200mm ($\pm 5\%$), có thể dùng cho cả cắt đốt lưỡng cực, siêu âm và hàn mạch.	Cái	2
9	Bộ tay dao hàn mạch loại dài	Cung cấp được mũi dao nhọn loại cong và thẳng. Cung cấp được các kích thước chiều dài tay dao 230mm ($\pm 5\%$) và 370mm ($\pm 5\%$). Loại cong: chiều dài mỗi hàn 20mm ($\pm 5\%$), chiều dài vết cắt 18mm ($\pm 5\%$). Loại thẳng: chiều dài mỗi hàn 18mm ($\pm 5\%$), chiều dài vết cắt 16mm ($\pm 5\%$). Dùng trong phẫu thuật mổ mở, mổ nội soi; có chức năng vừa hàn vừa cắt. Tương thích với máy hàn mạch Force Triad của Medtronic/ Covidien đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	780
10	Bộ tay dao hàn mạch loại ngắn	Chiều dài mỗi hàn 18mm ($\pm 10\%$). Chiều dài vết cắt 15mm ($\pm 5\%$). Mũi dao nhọn loại cong hoặc thẳng, lưỡi dao phủ chất chống dính. Tay dao hàn mạch mổ mở, chiều dài 180mm ($\pm 5\%$). Dùng trong phẫu thuật mổ mở, có chức năng vừa hàn vừa cắt. Tương thích với máy hàn mạch Force Triad của hãng Medtronic/ Covidien đang sử dụng tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.	Cái	100
11	Lưỡi dao bảo da	Lưỡi dao bảo da, tương thích với dao Wagner/Aesculap/ Đức đang sử dụng tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.	Cái	30



PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

Kèm theo công văn số: 1678 /VD-VTTBYT ngày 07 tháng 5 năm 2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày tháng năm *[ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đăng trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thông nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.